**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

**(BẢNG NÀY LẬP VÀ LƯU TRONG MÁY ĐỂ DÙNG TẠO RA BẢNG 2 KHI CẦN RA ĐỀ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính với phân số | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  – Nhận biết được số đối của một phân số.  – Nhận biết được hỗn số dương. | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước. |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  | **1**  **(1,5đ)** |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  |  |  |  |  | **1**  **(1,0)** | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  | **1**  **(1,0đ)** |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |  | **1**  **(1,0đ)** |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  | **5%** |
| 4 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  – Nhận biết được khái niệm tia. | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. |  | **1**  **(2,0đ)** |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** | | |  | **4** | **1** | **2** | **1** | **0** | **3** | **0** | **1** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | **20%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

**MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ GIỮA HK II MÔN TOÁN-LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1: Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Các phép tính với phân số | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số đối của một phân số.  **Câu 1** | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước.  **Câu 2** |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).  **Câu7** |  |  |  |  |  | **1**  **(1,5đ)** |  |  | **15%** |
| **Vận dụng cao**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số.  **Câu 11** |  |  |  |  |  |  |  | **1**  **(1,0đ)** | **10%** |
| 2 | **Chủ đề 2: Phân tích và xử lí dữ liệu** | Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).  **Câu 3** | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  **Câu 9a** |  |  |  | **1/2**  **(1,0đ)** |  |  |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng:***  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  **Câu 9b** |  |  |  |  |  | **1/2**  **(1,0đ)** |  |  | **10%** |
| 3 | **Chủ đề 3: Một số yếu tố xác suất** | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...).  **Câu 4** | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  |  | ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.  **Câu 5** |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.  **Câu 8** |  |  |  |  |  | **1**  **(0,5đ)** |  |  | **5%** |
| 4 | **Chủ đề 4: Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  **Câu 6** | **1**  **(0,5đ)** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
|  |  | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  **Câu10** |  | **1**  **(2,0đ)** |  |  |  |  |  |  | **20%** |
| **Tổng** | | |  | **4** | **1** | **2** | **1/2** | **0** | **2,5** | **0** | **1** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | | **20%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | **40%** | | | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD – ĐT ……….  **TRƯỜNG THCS ……..** | **ĐỀ THI GIỮA KÌ 2**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN: TOÁN 6**  ***(Thời gian làm bài 90 phút)*** |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3 điểm)**

***\*Khoanh tròn vào phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau:***

**Câu 1(0,5đ):**Phân số nào trong các phân số sau là phân số đối của phân số 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 2(0,5đ):** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 3(0,5đ):** Xếp loại thi đua 3 tổ lao động lao động của một đội sản xuất được thống kê như sau ( Đơn vị Người )

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổ | Giỏi | Khá | Đạt |
| Tổ 1 | 8 | 3 | 1 |
| Tổ 2 | 9 | 2 | 1 |
| Tổ 3 | 7 | 4 | 1 |

Mỗi tổ có bao nhiêu người ?

1. 24 B.9 C. 12 D. 36

**Câu 4(0,5đ):**Một Hộp có bốn chiếc thẻ cùng loại , mỗi thẻ được ghi một trong các số

1, 2, 3, 4 . Các thẻ khác nhau thì ghi các số khác nhau, Rút một chiếc thẻ trong hộp, số xuất hiện trên thẻ được rút ra là phần tử của tập hợp nào dưới đây ?

A.{1;2;3;4;5} B. {0;1;2;3;4} C. {0;1;4} D. {1;2;3;4}

**Câu 5(0,5đ)**: Nếu tung một đồng xu 50 lần liên tiếp, có 26 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

1. B. C. D.

**Câu 6(0,5đ):**Cho hình vẽ bên: Hãy chỉ ra hai đường thẳng AB và AC

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cắt nhau  B. Song song với nhau.  C. Trùng nhau  D.Có hai điểm chung |  |

**II. TỰ LUẬN(7điểm)**

**Câu 7( 1,5đ):**

a) Thực hiện phép tính một cách hợp lí

A =  B = + + +

**b)** Bốn tổ của lớp 6A quyên góp sách ủng hộ các bạn vùng cao như sau:

Tổ I góp số sách của lớp, tổ II góp số sách của lớp, tổ III góp số sách của lớp, tổ IV góp phần sách còn lại. Hỏi tổ IV đã góp được bao nhiêu phần số sách của lớp?

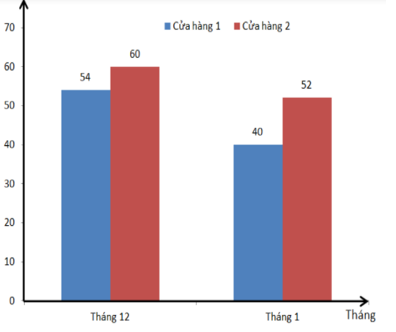
**Câu 8( 0,5 đ)** Hằng ngày Khánh phải đi xe Buýt đến trường, Khánh ghi lại thời gian chờ xe của mình trong 20 lần liên tiếp ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian chờ | Dưới 1 Phút | Từ 1 Phút đến  4 Phút | Từ 5 Phút đến  10 Phút | Từ 10 Phút trở lên |
| Số lần chờ | 4 | 10 | 4 | 2 |

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

1. Khánh chờ xe dưới 1 Phút.
2. Khánh chờ xe từ 5 Phút trở lên.

**Câu 9 (2 điểm).** Biểu đồ cột kép ở hình dưới cho biết số xe máy được bán ra trong tháng 12 và tháng 1 của hai cửa hàng.



a) Tính tổng số xe máy cả hai cửa hàng bán được trong tháng 1.

b) Trong 2 tháng đó thì tháng nào tổng số xe máy của hai cửa hàng bán ra được nhiều hơn? Vì sao?

**Câu 10 (2,0 điểm).**Cho hình vẽ 

1. Trong hình vẽ có những đoạn thẳng nào.
2. Tia AD có cắt đoạn thẳng AC không?
3. Điểm B có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?

**Câu 11(1,0 điểm).** Tính tổng: 

**HẾT**

**PHÒNG GD VÀ ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**HUYỆN ………….. MÔN: TOÁN 6**

**Năm học: 2022 - 2023**

**I.TRẮC NGHIỆM (3,0 Điểm )**

Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **C** | **D** | **B** | **A** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 7**  **1,5 Điểm** | **a)** | A = = | **0,5** |
| B = | **0,5** |
| **b)** | Ba tổ I, II và III quyên góp được:  + + = + + = = (Số sách của lớp)  Tổ IV quyên góp được là:   1. **= =** ( Số sách của lớp ) | **0,25**  **0,25** |
| **Câu 8**  **0,5 Điểm** | **a)** | Xác suất thực nghiệm của sự kện Khánh chờ xe dưới 1 Phút  là:  **=** | **0,25** |
| **b)** | Xác suất thực nghiệm của sự kện Khánh chờ xe từ 5 phút trở lên là: = = | **0,25** |
| **Câu 9**  **2 Điểm** | **a)** | Tổng số Xe máy cả hai cửa hàng bán được trong tháng 1 là:  40 + 52 = 92 (chiếc) | **1** |
| **b)** | Tổng số Xe máy cả hai cửa hàng bán được trong tháng 12 là:  54 + 60 = 114 (chiếc)  Vì 114 > 92 nên tháng 12 tổng số Xe máy bán ra của hai cửa hàng nhiều hơn tháng 1. | **1** |
| **Câu 10**  **2 Điểm** | **a)** | Trong hình vẽ có các đoạn thẳng là: AD, AB, AC, BC | **0,5** |
| **b)** | Tia AD cắt đoạn thẳng AC tại điểm A | **0.5** |
| **c)** | Ta có: AB = BC = 2cm và điểm B nằm giữa hai điểm A và C  nên B là trung điểm của đoạn thẳng AC | **0.5**  **0.5** |
| **Câu 11**  **1 Điểm** |  |  | **0,5**  **0,5** |

**HẾT**